

Vietnam Daily Review

VN-Index đảo chiều

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 13/12/2022		•	
Tuần 12/12-16/12/2022		•	
Tháng 12/2022			•

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Đà tăng của VN-Index bị chứng lại vào cuối phiên sáng, sau đó chỉ số đảo chiều giảm điểm trong phiên chiều. Càng về cuối phiên đã giảm càng mạnh, cuối cùng chỉ số kết phiên tại mốc 1,032.07, giảm gần 20 điểm so với phiên trước đó. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 14/19 ngành giảm điểm, trong đó những ngành như Bất động sản, Dịch vụ tài chính,... dẫn đầu đà giảm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này vẫn tiếp tục chuỗi mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Thị trường đã giảm mạnh xuống vùng hỗ trợ 1,030 - 1,040, tuy nhiên thanh khoản không đáng kể cho thấy trong những phiên tới, VN-Index vẫn có khả năng bật lên khi dòng tiền bắt đáy xuất hiện.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL biến động theo nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 12/12/2022, các chứng quyền biến động theo xu hướng suy yếu của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-19.74** điểm, đóng cửa **1032.07** điểm. HNX-Index **-6.47** điểm, đóng cửa **210.53** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: NVL (+0.56), EIB (+0.48), HVN (+0.45), PLX (+0.23), VGC (+0.22).
- Kéo chỉ số giảm: VIC (-4.5), VHM (-3.93), BID (-1.4), VRE (-1.08), TCB (-0.93).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **13,527** tỷ đồng, tăng **14.62%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 16,401 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 33.09 điểm. Thị trường có **158** mã tăng, 53 mã tham chiếu, **186** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **329.72** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm DGC (65.5 tỷ), SHB (40.15 tỷ), FRT (34.85 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 8.95 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1032.07**
Giá trị: 13526.56 tỷ **-19.74 (-1.87%)**
Khối ngoại (ròng): 329.72 tỷ

HNX-INDEX **210.53**
Giá trị: 1622.47 tỷ **-6.47 (-2.98%)**
Khối ngoại (ròng): 8.95 tỷ

UPCOM-INDEX **71.50**
Giá trị: 422.11 tỷ **-0.1 (-0.14%)**
Khối ngoại (ròng): -2.06 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	71.2	0.20%
Giá vàng	1,790	-0.40%
Tỷ giá USD/VND	23,609	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	44,907	-0.38%
Tỷ giá JPY/VND	17,246	0.00%
LS liên NH 1 tháng	7.7%	-0.09%
LS TPCP 5 năm	4.8%	-0.20%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
DGC	65.50	VNM	-40.77
SHB	40.15	VRE	-35.30
FRT	34.85	VHM	-31.91
MSN	27.92	KDH	-29.81
STB	27.73	HPG	-28.41

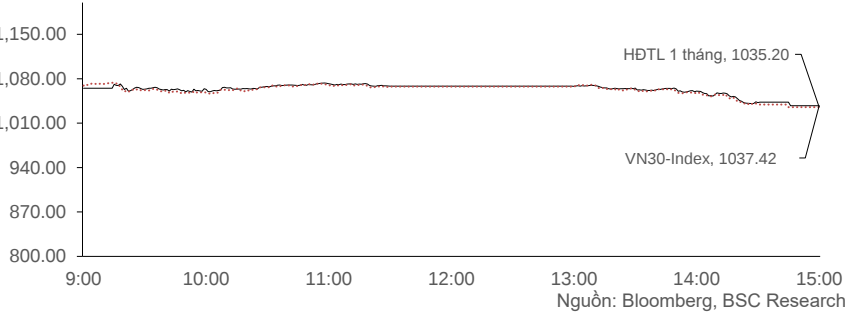
Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 3
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Khuyến nghị dài hạn	Trang 6
Danh mục đầu tư cơ bản	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2212	1035.20	-3.25%	-2.22	-28.5%	405,419	12/15/2022	5
VN30F2301	1032.00	-2.67%	-5.42	21.6%	8,377	1/19/2023	44
VN30F2203	1020.70	-2.14%	-16.72	-42.0%	119	6/15/2023	187
VN30F2206	1022.00	-2.52%	-15.42	-32.8%	231	3/16/2023	96

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm -27.66 điểm xuống 1037.42 điểm, biên độ dao động 36.02 điểm. Các cổ phiếu như VIC, VHM, TCB, STB, và HPG đã tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- Sắc đỏ đang lớn dần tại VN30 với 19 mã giảm, 10 mã tăng. Chỉ số VN30 đang mất hơn 12 điểm, thanh khoản nằm dưới đường MA20 cho thấy dấu hiệu suy yếu. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL biến động theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, VN30F2301 tăng, các hợp đồng còn lại giảm. Xét về vị thế mở, VN30F2303 giảm, các hợp đồng còn lại tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVJC2206	3/10/2023	88	20:1	590,000	22.94%	1,300	260	4.00%	21	12.22	138,599	132,999	111,400
CVPB2212	8/31/2023	262	2.66:1	594,400	42.46%	1,700	350	0.00%	224	1.56	25,497	37,000	16,650
CMWG2213	6/6/2023	176	6:1	509,900	49.78%	2,760	540	-1.82%	638	0.85	57,840	54,000	45,900
CVHM2217	3/1/2023	79	10:1	566,300	33.93%	1,000	760	-6.17%	275	2.77	61,999	51,999	50,500
CHPG2221	3/31/2023	109	4:1	3,501,500	49.19%	1,000	150	-6.25%	109	1.38	25,520	25,000	18,600
CSTB2215	3/28/2023	106	5:1	1,131,500	54.75%	1,100	780	-7.14%	442	1.76	25,722	22,222	21,300
CVRE2215	3/31/2023	109	2:1	116,200	44.55%	2,600	1,240	-8.15%	830	1.49	33,900	30,000	27,050
CVRE2215	3/31/2023	109	2:1	116,200	44.55%	2,600	1,240	-8.15%	830	1.49	33,900	30,000	27,050
CVRE2215	3/31/2023	109	2:1	116,200	44.55%	2,600	1,240	-8.15%	830	1.49	33,900	30,000	27,050
CSTB2223	3/1/2023	79	4:1	392,300	54.75%	1,000	940	-8.74%	587	1.60	24,471	21,111	21,300
CHDB2208	3/8/2023	86	3.99:1	613,600	35.69%	1,100	380	-9.52%	97	3.91	20,828	23,999	16,200
CVNM2207	3/28/2023	106	15.4:1	429,500	30.14%	1,100	1,020	-9.73%	773	1.32	88,476	68,668	78,500
CVRE2218	3/1/2023	79	5:1	137,300	44.55%	1,000	740	-9.76%	398	1.86	33,538	27,888	27,050
CSTB2218	3/31/2023	109	2:1	544,100	54.75%	2,100	350	-10.26%	384	0.91	28,560	28,000	21,300
CHPG2224	3/1/2023	79	4:1	1,418,200	49.19%	1,000	430	-10.42%	156	2.76	24,502	22,222	18,600
CVRE2216	8/31/2023	262	4:1	118,800	44.55%	1,650	910	-11.65%	741	1.23	36,320	31,000	27,050
CSTB2222	3/1/2023	79	4:1	390,800	54.75%	1,000	1,010	-13.68%	699	1.44	24,622	20,222	21,300
CVRE2214	1/3/2023	22	2:1	208,800	44.55%	2,050	510	-16.39%	229	2.22	31,740	29,000	27,050
CVRE2212	1/13/2023	32	2:1	268,500	44.55%	1,000	400	-20.00%	244	1.64	31,540	30,000	27,050
CVHM2215	3/31/2023	109	6:1	277,400	33.93%	2,100	380	-38.71%	184	2.06	64,920	60,000	50,500

Tổng 12,041,500 43.91%**

Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất	CR: Tỷ lệ chuyển đổi
	Lãi suất phi rủi ro là 4.75%	Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
	**Trung bình độ lệch chuẩn	*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 12/12/2022, các chứng quyền biến động theo xu hướng suy yếu của cổ phiếu cơ sở.
- CHPG2212 và CVJC2203 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt ở mức 100% và 50%. Giá trị giao dịch giảm -5.72%. CVRE2215 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 11.73%.
- CMWG2213, CPOW2210, CSTB2218, và CVRE2219 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CVNM2208, CVNM2211, CSTB2222, và CVNM2210 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVNM2211, CVNM2210, CFPT2212, và CVNM2207 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	45.9	-0.6%	1.0	2,921	7.0	3,504	13.1	2.9	49.0%	24.0%
PNJ	Bán lẻ	111.8	-0.1%	0.6	1,196	0.8	7,720	14.5	3.3	49.0%	25.9%
BVH	Bảo hiểm	48.5	1.3%	1.0	1,565	1.6	2,359	20.6	1.6	26.6%	8.0%
PVI	Bảo hiểm	44.3	-2.0%	0.8	451	0.1	2,959	15.0	1.4	59.1%	9.6%
VIC	Bất động sản	63.1	-6.9%	0.5	10,463	8.2	290	217.7	2.1	12.8%	1.0%
VRE	Bất động sản	27.1	-6.4%	1.1	2,672	4.0	909	29.8	1.9	33.2%	6.6%
VHM	Bất động sản	50.5	-6.7%	0.9	9,561	8.8	7,221	7.0	1.6	24.1%	25.2%
DXG	Bất động sản	13.4	-7.0%	1.9	354	12.3	1,390	9.6	0.9	25.1%	9.2%
SSI	Chứng khoán	19.2	-5.4%	1.7	1,240	23.1	2,253	8.5	1.3	40.4%	14.5%
VCI	Chứng khoán	24.8	-7.0%	1.0	469	14.9	3,018	8.2	1.6	18.8%	20.2%
HCM	Chứng khoán	20.9	-5.9%	1.6	414	7.5	2,087	10.0	1.2	41.3%	14.5%
FPT	Công nghệ	77.0	-1.3%	0.9	3,673	4.1	4,803	16.0	4.2	49.0%	28.5%
FOX	Công nghệ	51.0	1.4%	0.4	728	0.0	4,926	10.4	2.8	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	105.0	-0.9%	0.9	8,738	1.6	6,968	15.1	3.5	3.0%	25.5%
PLX	Dầu khí	31.1	2.3%	1.5	1,718	1.2	738	42.2	1.7	17.9%	3.8%
PVS	Dầu khí	22.2	-3.5%	1.4	461	6.9	1,044	21.3	0.9	18.1%	4.1%
BSR	Dầu khí	14.1	0.0%	0.8	1,901	5.1	2,108	6.7	1.2	41.1%	19.1%
DHG	Dược	85.1	0.4%	0.3	484	0.0	6,822	12.5	2.7	54.2%	23.2%
DPM	Hóa chất	43.0	0.1%	1.4	732	3.2	15,533	2.8	1.3	18.8%	56.1%
DCM	Hóa chất	29.0	1.2%	1.4	666	3.9	7,691	3.8	1.6	12.0%	49.8%
VCB	Ngân hàng	77.4	0.1%	0.9	15,926	7.2	5,584	13.9	2.9	23.6%	22.2%
BID	Ngân hàng	38.1	-2.8%	1.0	8,380	3.4	3,201	11.9	2.0	17.2%	18.1%
CTG	Ngân hàng	27.5	-2.1%	1.4	5,736	4.7	3,239	8.5	1.3	27.6%	15.5%
VPB	Ngân hàng	16.7	-1.5%	1.2	4,860	17.2	2,995	5.6	1.2	17.7%	23.3%
MBB	Ngân hàng	17.7	-2.7%	1.4	3,489	9.8	3,876	4.6	1.1	23.2%	27.3%
ACB	Ngân hàng	22.5	-2.4%	1.1	3,304	3.2	3,922	5.7	1.4	30.0%	27.0%
BMP	Nhựa	56.6	-3.4%	0.7	201	0.3	6,869	8.2	1.8	85.7%	22.9%
NTP	Nhựa	32.5	0.0%	0.6	183	0.1	3,961	8.2	1.4	17.8%	17.8%
MSR	Tài nguyên	10.9	-2.7%	1.6	521	0.1	178	61.2	0.8	10.1%	1.4%
HPG	Thép	18.6	-3.1%	1.4	4,702	29.8	2,662	7.0	1.1	21.2%	17.0%
HSG	Thép	12.1	-6.9%	1.8	313	9.4	439	27.5	0.7	6.8%	2.3%
VNM	Tiêu dùng	78.5	-1.9%	0.5	7,133	10.8	3,778	20.8	5.3	56.0%	25.4%
SAB	Tiêu dùng	178.3	0.2%	0.8	4,971	1.8	8,428	21.2	4.7	62.6%	24.1%
MSN	Tiêu dùng	97.0	0.0%	1.1	6,004	3.8	6,744	14.4	5.4	30.5%	40.5%
SBT	Tiêu dùng	13.4	0.4%	1.5	420	3.2	1,206	11.1	1.0	12.7%	9.1%
ACV	Vận tải	84.0	-1.2%	0.8	7,951	0.1	363	231.5	4.9	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	111.4	-0.1%	1.1	2,623	2.3	114	975.7	3.4	16.8%	0.4%
HVN	Vận tải	12.6	6.8%	1.7	1,208	0.5	(4,005)	#N/A N/A	#N/A N/A	5.9%	#VALUE!
GMD	Vận tải	47.6	-0.2%	0.8	623	0.6	3,063	15.5	2.0	48.9%	14.2%
PVT	Vận tải	19.5	-1.5%	1.3	274	2.2	2,528	7.7	1.1	18.5%	15.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	50.7	1.0%	0.9	353	0.1	7,783	6.5	1.6	3.0%	26.5%
VGC	Vật liệu xây dựng	43.5	4.7%	1.0	847	2.7	4,399	9.9	2.6	6.1%	28.0%
HT1	Vật liệu xây dựng	11.0	1.9%	1.3	182	0.3	652	16.9	0.8	2.0%	4.7%
CTD	Xây dựng	39.3	6.9%	1.5	126	1.2	(832)	#N/A N/A	0.4	52.6%	-0.7%
CII	Xây dựng	13.8	-3.5%	1.6	151	4.6	1,464	9.4	0.6	8.7%	7.1%
REE	Điện	80.0	0.0%	-1.4	1,236	1.0	7,767	10.3	1.9	49.1%	20.2%
PC1	Điện	20.0	-2.9%	-0.4	235	2.8	1,507	13.3	1.1	4.3%	8.7%
POW	Điện	11.2	-0.4%	0.6	1,135	4.7	499	22.4	0.9	4.6%	3.9%
NT2	Điện	27.5	-0.5%	0.7	344	1.3	2,858	9.6	1.8	16.1%	19.2%
KBC	Khu công nghiệp	22.1	-6.9%	1.6	738	5.3	2,934	7.5	1.0	18.7%	15.4%
BCM	Khu công nghiệp	78.0	-2%	0.9	3,510	0.1	1,654	47.2	4.6	2.9%	12.2%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVL	17.80	6.91	0.56	6.99MLN
EIB	23.85	6.95	0.48	1.26MLN
HVN	12.55	6.81	0.45	865400
PLX	31.10	2.30	0.23	859500
VGC	43.45	4.70	0.22	1.44MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VIC	63.10	-6.93	-4	2.85MLN
VHM	50.50	-6.65	-4	3.87MLN
BID	38.10	-2.81	-1	1.98MLN
VRE	27.05	-6.40	-1	3.23MLN
TCB	27.20	-3.72	-1	6.19MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
EIB	23.85	6.95	0.48	1.26MLN
CTD	39.25	6.95	0.05	711400
NVL	17.80	6.91	0.56	6.99MLN
ANV	25.55	6.90	0.05	1.67MLN
OGC	6.52	6.89	0.03	713000

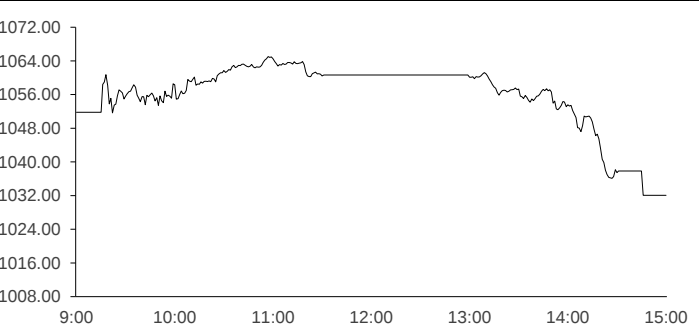
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	63.10	-6.93	-4.50	2.85MLN
VHM	50.50	-6.65	-3.93	3.87MLN
BID	38.10	-2.81	-1.40	1.98MLN
VRE	27.05	-6.40	-1.08	3.23MLN
TCB	27.20	-3.72	-0.93	6.19MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 1

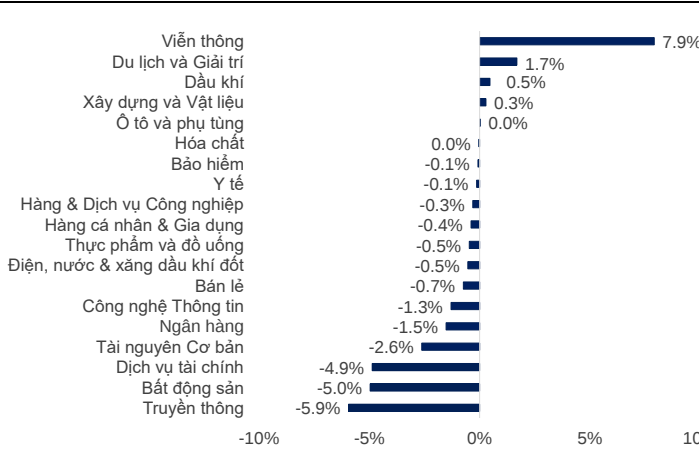
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Vận động ngành



Nguồn: Fiinpro

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SCG	67.00	2.29	0.15	269900.00
TIG	8.90	9.88	0.14	1.78MLN
KSF	70.20	0.72	0.11	81900
MST	4.90	8.89	0.04	3.26MLN
LIG	4.40	7.32	0.04	1.60MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
THD	39.60	-7.04	-1.72	78000
SHS	8.60	-7.53	-0.84	36.69MLN
CEO	21.40	-9.70	-0.73	13.40MLN
HUT	17.00	-8.60	-0.53	3.58MLN
BAB	13.80	-2.13	-0.36	8600

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

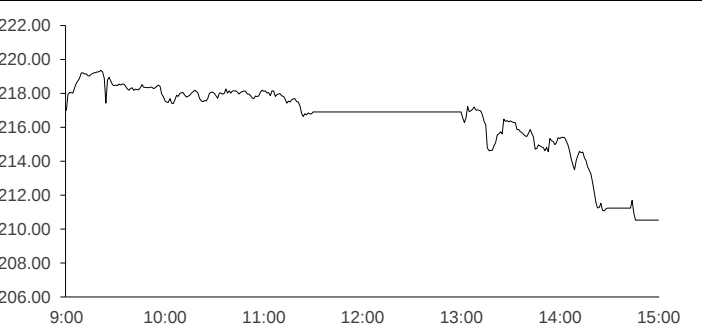
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PBP	13.20	10.0	0.00	118100
TSB	9.90	10.0	0.01	7600
VC6	7.70	10.0	0.01	1900
VNT	67.70	9.9	0.02	100
TIG	8.90	9.9	0.14	1.78MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
API	10.80	-10.00	-0.08	595400
HTP	36.90	-10.00	-0.28	52300
IDJ	9.00	-10.00	-0.23	4.94MLN
INC	15.30	-10.00	0.00	45500
L14	62.10	-10.00	-0.26	951900

Hình 2

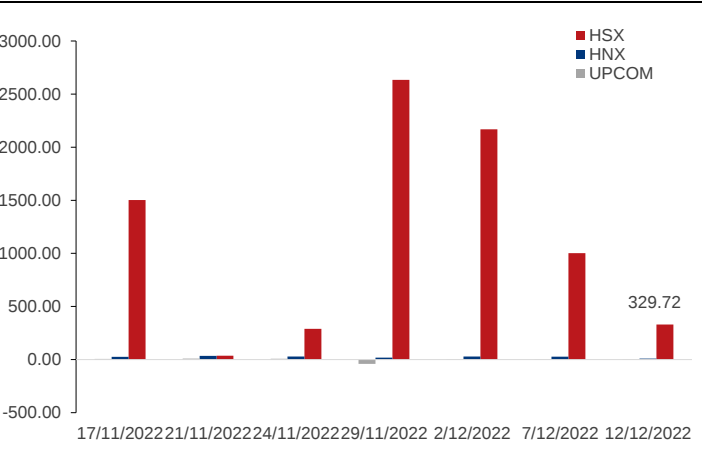
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 4

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	ACV	Hàng không	Mua	14/09/22	87.0	105.0	84.0	363	231.5	4.9	Click
2	PNJ	Bán lẻ	Mua	13/09/22	112.2	145.5	111.8	7,720	14.5	3.3	Click
3	PVD	Dầu khí	Mua	09/09/22	20.5	27.1	16.5	0	#N/A N/A	0.7	Click
4	FPT	CNTT	Mua	06/09/22	84.1	107.9	77.0	4,803	16.0	4.2	Click
5	BMP	Nhựa	Mua	07/09/22	62.0	76.9	56.6	6,869	8.2	1.8	Click
6	TLG	Tiêu dùng	Mua	06/09/22	63.2	75.6	46.1	5,795	8.0	1.7	Click
7	KDH	Bất động sản	Mua	30/08/22	37.6	48.2	28.0	1,786	15.7	1.8	Click
8	HAH	Vận tải biển	Theo dõi	24/08/22	64.4	78.0	34.7	10,803	3.2	1.1	Click
9	VHC	Thủy sản	Mua	24/08/22	86.1	108.5	71.6	12,293	5.8	1.7	Click
10	PHR	Bất động sản	Mua	16/08/22	66.5	87.0	45.5	4,727	9.6	1.8	Click
11	BSR	Dầu khí	Mua	19/08/22	24.4	28.4	14.1	2,108	6.7	1.2	Click
12	NLG	Bất động sản	Mua	16/08/22	42.8	53.5	28.6	1,016	28.1	1.3	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	13/08/22	28.0	38.3	13.4	1,390	9.6	0.9	Click
14	HPG	Thép	Mua	09/08/22	24.1	27.9	18.6	2,662	7.0	1.1	Click
15	DBC	Tiêu dùng	Mua	03/08/22	25.5	31.8	16.2	1,409	11.5	0.8	Click
16	DPM	Phân bón	Theo dõi	04/07/22	50.0	63.1	43.0	15,533	2.8	1.3	Click
17	HT1	Xi măng	Mua	30/06/22	15.5	18.7	11.0	652	16.9	0.8	Click
18	NT2	Điện	Mua	28/06/22	24.8	28.0	27.5	2,858	9.6	1.8	Click
19	PVD	Dầu khí	Mua	28/06/22	17.4	19.8	16.5	0	#N/A N/A	0.7	Click
20	LHG	BĐS	Mua	27/06/22	31.5	54.8	21.0	3,943	5.3	0.7	Click
21	MIG	Bảo hiểm	Theo dõi	23/06/22	24.8	21.7	15.6	1,278	12.2	1.4	Click
22	PC1	Điện	Mua	23/06/22	39.2	45.9	20.0	1,507	13.3	1.1	Click
23	POW	Điện	Mua	13/06/22	15.0	17.0	11.2	499	22.4	0.9	Click
24	NKG	Thép	Mua	09/06/22	22.9	30.4	12.5	2,826	4.4	0.6	Click
25	REE	Điện	Mua	08/06/22	98.3	112.7	80.0	7,767	10.3	1.9	Click
26	LTG	Lương thực	Theo dõi	08/06/22	41.8	45.3	25.2	4,406	5.7	0.7	Click
27	GAS	Dầu khí	Mua	08/06/22	130.0	151.4	105.0	6,968	15.1	3.5	Click
28	ANV	Thủy sản	Mua	07/06/22	56.6	68.9	25.6	4,889	5.2	1.1	Click
29	HPG	Thép	Mua	07/06/22	33.2	42.1	18.6	2,662	7.0	1.1	Click
30	VOS	Vận tải biển	Mua	03/06/22	16.2	19.0	11.9	3,944	3.0	1.1	Click
31	BSR	Dầu khí	Mua	02/06/22	27.1	34.4	14.1	2,108	6.7	1.2	Click
32	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	52.5	3,936	13.3	4.0	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	111.8	7,720	14.5	3.3	Click
34	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	13.6	2,761	4.9	0.6	Click
35	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	27.5	2,858	9.6	1.8	Click
36	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	53.5	11,143	4.8	1.0	Click
37	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	74.0	5,327	13.9	4.6	Click
38	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	20.0	1,507	13.3	1.1	Click
39	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	12.0	671	17.9	0.6	Click
40	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	77.0	4,803	16.0	4.2	Click
41	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	21.0	2,642	7.9	1.4	Click
42	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	12.5	2,826	4.4	0.6	Click
43	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	11.2	499	22.4	0.9	Click
44	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	111.8	7,720	14.5	3.3	Click
45	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	45.9	3,504	13.1	2.9	Click
46	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	19.5	2,528	7.7	1.1	Click

Danh mục đầu tư cơ bản

STT	Mã	Ngành	Sàn	Khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá mua	% Lãi/Lỗ	Giá mục tiêu	% Giá hiện tại	Link tài báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	HSX	Mua	22.5	19.1	17.80%	24	8.44%	
2	ACV	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	84.0	74.7	12.45%	90	7.14%	Click
3	BCM	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HSX	Mua	78.0	75.0	4.00%	94	20.77%	
4	BSR	Dầu khí	UPCOM	Mua	14.1	13.6	3.68%	19	32.62%	Click
5	CTR	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HSX	Mua	52.5	37.7	39.26%	51	-2.48%	Click
6	DBC	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	16.2	10.6	52.83%	14	-12.96%	Click
7	DRC	Ôtô và linh kiện ô tô	HSX	Mua	21.0	17.1	22.81%	28	33.33%	
8	FPT	Công nghệ	HSX	Mua	77.0	65.9	16.84%	85	9.87%	Click
9	FRT	Bán lẻ	HSX	Mua	74.0	59.8	23.75%	75	1.76%	
10	HND	Các dịch vụ hạ tầng	UPCOM	Mua	13.4	12.2	9.84%	16	17.16%	
11	IDC	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HNX	Mua	36.3	29.0	25.17%	43	19.56%	
12	KBC	Bất động sản	HSX	Mua	22.1	16.7	32.34%	18	-18.10%	
13	LHG	Bất động sản	HSX	Mua	21.0	18.9	11.11%	24	12.38%	
14	MWG	Bán lẻ	HSX	Mua	45.9	37.9	21.11%	50	9.59%	Click
15	PNJ	Hàng tiêu dùng cá nhân và gia đình	HSX	Mua	111.8	94.1	18.81%	119	6.35%	Click
16	POW	Các dịch vụ hạ tầng	HSX	Mua	11.2	10.5	6.70%	13	16.59%	
17	PVD	Dầu khí	HSX	Mua	16.5	13.6	21.32%	20	19.39%	Click
18	PVS	Dầu khí	HNX	Mua	22.2	19.1	16.23%	28	26.13%	
19	PVT	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	19.5	17.5	11.43%	24	24.62%	
20	QTP	Các dịch vụ hạ tầng	UPCOM	Mua	13.5	12.0	12.50%	16	18.52%	
21	REE	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	80.0	70.2	13.96%	86	7.50%	
22	VCB	Ngân hàng	HSX	Mua	77.4	75.0	3.20%	90	16.67%	
23	VEA	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	38.5	34.9	10.32%	48	24.68%	
24	VHC	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	71.6	74.9	-4.41%	87	21.79%	Click
25	VNM	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	78.5	77.0	1.95%	86	9.43%	
26	VRE	Bất động sản	HSX	Mua	27.1	25.0	8.20%	32	17.56%	

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo. Để có thông tin chi tiết thêm quý nhà đầu tư có thể vào website hoặc sử dụng BSC ibroker.



Trợ lý phân tích định lượng (Kim): cung cấp cho nhà đầu tư các tín hiệu và khuyến nghị kỹ thuật trong ngày.



Trợ lý phái sinh (Hòa): cung cấp các khuyến nghị kỹ thuật trong phiên với 2 mã HĐTL VN30F1M và VN30F2M



Trợ lý phân tích cơ bản (Mộc): cung cấp thông tin tổng quan về tình hình hoạt động của doanh nghiệp thông qua các biểu đồ và các chỉ tiêu tài chính.



Trợ lý chứng quyền (Thỏ): cung cấp các thông tin cơ bản về các mã chứng quyền và định giá Black-Scholes.



Trợ lý báo cáo phân tích (Thủy): cung cấp báo cáo phân tích và khuyến nghị theo phân tích cơ bản từ các chuyên viên phân tích của Phòng PTNC – BSC.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)



BSC NÂNG CẤP TÍNH NĂNG IBROKER

- Tiện ích
- Đầy đủ thông tin
- Nhanh chóng

TÌM HIỂU THÊM

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
2	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2019	x		Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 9.2021	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2022	x		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2022	x		Click
8	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2022	x		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
12	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
13	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
14	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
15	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
16	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
18	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
19	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
20	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
21	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
22	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
23	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
24	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
25	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
26	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
27	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
28	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
29	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
30	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
32	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
33	Covid lần sóng thứ 4	x		Click
34	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
35	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
36	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
37	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
38	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
39	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
40	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
41	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
42	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
43	Banking Sector Outlook		x	Click
44	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639